TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-PT
Ngày 26/01/2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Trưởng và ông Đinh Tiến Hùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thơm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2020/TLPT- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

Do bản án Hôn nhân gia đình số 25/2020/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh Hà Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vũ Tuấn V, sinh năm 1980. (vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường M, thị xã T, tỉnh Hà Nam

3. Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Anh Vũ Tuấn V trình bày: Anh và Chị Nguyễn Thị L đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 21/2/2005 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Hà Nam trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do mâu thuẫn về kinh tế cũng như cách ứng

xử hàng ngày dẫn đến vợ chồng không thông cảm, chia sẻ; vợ chồng lạnh nhạt, bỏ mặc nhau, ly thân nhiều lần, lần gần đây từ tháng 02/2020 đến nay không quan tâm gì đến nhau. Mặc dù đã được người thân khuyên can nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Đến nay anh nhận thấy không thể tiếp tục chung sống vì vậy anh đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị L.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Chị Nguyễn Thị L trình bày chị kết hôn với Anh Vũ Tuấn V trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Châu Giang ngày 21/2/2005. Chị thừa nhận sau khi kết hôn khoảng 5 năm giữa vợ chồng chị đã xảy ra mâu thuẫn rồi sau đó trở lại bình thường, đến ngày 24/2/2020 lại tiếp tục nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong vấn đề tình cảm, anh V chưa quan tâm đến gia đình dẫn đến vợ chồng không chia sẻ, xảy ra cãi vã. Mặc dù chị đã tự điều chỉnh để tìm sự hòa hợp nhưng tình cảm không được cải thiện; vợ chồng đã ly thân nhiều lần, lần gần đây từ tháng 02/2020 đến tháng 5/2020 anh V về nhà vài hôm rồi vợ chồng lại tiếp tục ly thân. Nay anh V xin ly hôn chị không muốn các con chung phải khổ nên chị không đồng ý ly hôn.

* Về con chung: Anh V, chị L xác nhận vợ chồng có hai con chung là Vũ Tuấn A sinh ngày 14/9/2005 và Vũ Hà L sinh ngày 15/6/2008. Quá trình hòa giải các đương sự thống nhất để anh V nuôi dưỡng các con chung và chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung, công sức, công nợ: Các đương sự cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Anh V xin nuôi cháu A, đồng ý để chị L nuôi cháu L1 và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu L1 hàng tháng mỗi tháng 6 triệu đồng, anh không đồng ý cấp dưỡng cho chị L. Chị L xin nuôi cháu L1, đồng ý để anh V nuôi cháu A, ngoài ra chị yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi cháu L1 và cấp dưỡng cho chị theo quy định của pháp luật. Ngoài ra các đương sự giữ nguyên quan điểm của mình.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 25/2020/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh Hà Nam đã quyết định:

Căn cứ Điều 28; 35; 39; 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử ly hôn giữa Anh Vũ Tuấn V và Chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Giao Anh Vũ Tuấn V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Tuấn A sinh ngày 14/9/2005 và giao Chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Hà L1 sinh ngày 15/6/2008 từ tháng 9/2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu L1 hàng tháng,

mỗi tháng 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) kể từ tháng 9 năm 2020 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được.

Anh Vũ Tuấn V, Chị Nguyễn Thị L được quyền thăm hỏi, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Anh V, chị L và các thành viên trong gia đình không được cản trở chị L, anh V trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Trong thời hạn luật định, ngày 05/10/2020, chị L kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã T để cho chị và anh V về hàn gắn và đoàn tụ nuôi dạy con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị L có quan điểm: Chị xin rút yêu cầu kháng cáo xin đoàn tụ, chị xác định tình cảm vợ chồng với anh V không còn, chị nhất trí ly hôn với anh V. Chị xin giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về phần con chung, đề nghị giao cho chị nuôi cả 2 con chung là cháu Vũ Tuấn A và Vũ Hà L1 và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con một lần số tiền là 648.000.000đ tương đương với mỗi cháu là 6.000.000đ/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289 và khoản 5 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu kháng cáo về việc xin đoàn tụ của chị L, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị L về việc xin nuôi 2 con chung và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 648.000.000đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 25/2020/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã T. Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm là 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Chị Nguyễn Thị L trong thời hạn luật định và đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận để xem xét theo quy định.

[2] Xét kháng cáo của Chị Nguyễn Thị L:

[2.1] Xét kháng cáo xin đoàn tụ: Tại phiên tòa, chị L rút yêu cầu kháng cáo xin đoàn tụ với anh V. Xét thấy việc chị L xin rút một phần yêu cầu kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận, căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 289 và khoản 5 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo xin đoàn tụ của chị L.

[2.2] Xét kháng cáo xin nuôi 2 con chung và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 648.000.000đ:

Xét thấy: Anh V và chị L có hai con chung là Vũ Tuấn A sinh ngày 14/9/2005 và Vũ Hà L1 sinh ngày 15/6/2008. Chị L kháng cáo xin nuôi hai con chung, tuy nhiên chị L xác định sức khỏe của chị không tốt nên việc chăm sóc con cái không được sát sao và chu đáo, đồng thời chị L không có công việc ổn định, thu nhập hàng tháng theo chị khai bình quân khoảng 5.000.000đ/tháng, trong khi anh V có công việc ổn định, thu nhập bình quân khoảng 15.000.000đ/tháng nên nếu giao cả hai cháu Vũ Tuấn A và Vũ Hà L1 cho chị L nuôi dưỡng là không đảm bảo. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào nguyện vọng cũng như hoàn cảnh, tình hình thực tế của anh V và chị L để giao anh V trực tiếp nuôi dưỡng cháu A sinh ngày 14/9/2005; giao chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Hà L1 sinh ngày 15/6/2008 và ghi nhận sự tự nguyện của Anh Vũ Tuấn V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu L1 hàng tháng, mỗi tháng 6 triệu đồng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy, việc chị L kháng cáo xin nuôi 2 con chung và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung một lần số tiền là 648.000.000đ là không có căn cứ để chấp nhận

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào c khoản 1 Điều 289 và khoản 5 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo xin đoàn tụ của chị L.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Chị Nguyễn Thị L về việc xin nuôi 2 con chung và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung một lần số tiền là 648.000.000đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 25/2020/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ: Điều 28; 35; 39; 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử ly hôn giữa Anh Vũ Tuấn V và Chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Giao Anh Vũ Tuấn V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Tuấn A sinh ngày 14/9/2005 và giao chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Hà L1 sinh ngày 15/6/2008 từ tháng 9/2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu L1 hàng tháng, mỗi tháng 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) kể từ tháng 9 năm 2020 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được.

Anh Vũ Tuấn V, Chị Nguyễn Thị L được quyền thăm hỏi, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Anh V, chị L và các thành viên trong gia đình không được cản trở chị L, anh V trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Vũ Tuấn V phải chịu 300.000đ; án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Vũ Tuấn V phải chịu 300.000đ. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh V đã nộp theo biên lai số 0003223 ngày 21/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T được đối trừ khi thi hành án, Anh Vũ Tuấn V còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

4. Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ chị L đã nộp theo biên lai số 0003305 ngày 06/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T được đối trừ khi thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND thị xã T;
- Chi cục thị xã T;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Việt Hà